TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **212/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2019.
V/v: Tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh B.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Huỳnh Thị Kim K – Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ TP.B
Ông Trần Công D – Cán bộ hưu trí.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đ - Thư ký Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *TP.B, tỉnh Đ tham gia phiên toà: Không tham gia*.

***

Hôm nay, ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 703/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/10/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991.

*** Bị đơn**: Ông **Đinh Văn T**, sinh năm 1985
Cùng địa chỉ: tổ 17, KP3, P.L, TP B, Đ.
(Bà T, ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông T kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Cuộc sống vợ chồng có nhiều khác biệt về cách sống, quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, thường xuyên cải vả nhau. Nay xác định mâu thuẫn giữa hai người

đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 14/6/2017. Ly hôn bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn ông T trình bày :***

Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà T kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Cuộc sống vợ chồng có nhiều khác biệt về cách sống, quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, thường xuyên cải vả nhau. Nay xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên bà T làm đơn xin được ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 14/6/2017. Ly hôn ông T đồng ý giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr và ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát không tham gia.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Đinh Văn T cư trú tại địa chỉ: tổ 17, KP3, P.L, TP B, Đ. Căn cứ Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông T kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đ trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa căn cứ vào Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, thường xuyên mâu thuẫn cãi vả nhau, nay bà T xin ly hôn ông T cũng đồng ý nên cho bà T ly hôn ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 14/6/2017. Ly hôn cả hai thống nhất giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr và ông T cấp dưỡng nuôi cháu 1.000.000đ/tháng.

Xét sự tự nguyện thỏa thuận của bà T và ông T là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, giao cháu Đinh Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 14/6/2017 cho bà Tuyết được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr và ông T cấp dưỡng nuôi

cháu 1.000.000đ/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tr trưởng thành có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: bà T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 235, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110,131 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Xin ly hôn" của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Đinh Văn T.

2. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đinh Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 14/6/2017. Ly hôn giao cháu Đinh Ngọc Huyền Tr, sinh ngày 14/6/2017 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr và ông T cấp dưỡng nuôi cháu 1.000.000đ/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tr trưởng thành có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T được quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông T, bà T có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa xem xét giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: bà T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí số 0004505 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự TP.B. Ông T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng.

5. Bà T, ông T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết tại chính quyền địa phương./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKS TP B;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- UBND xã V, V, Đ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Thanh B